

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022
quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và
lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia**

(Tiếp theo Công báo số 473 + 474)

MẪU SỐ 6A

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ DỰ THẦU QUA MẠNG
CHO GÓI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN,
MUA SẴM HÀNG HÓA, XÂY LẮP
(theo quy trình số 01)
(phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT
ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

PHẦN I:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Gói thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Dự án: [trích xuất từ Hệ thống]

Chủ đầu tư: [trích xuất từ Hệ thống]

Bên mời thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Mẫu số 01 (Webform trên Hệ thống)

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu _____ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng Nhà thầu theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

| Stt | Nội dung đánh giá trong E-HSMT | Kết quả đánh giá | | Nhận xét của chuyên gia |
|--|---|------------------|-----------|-------------------------|
| | | Đạt | Không đạt | |
| 1 | Bảo đảm dự thầu ⁽¹⁾ | | | |
| 2 | Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) ⁽²⁾ | | | |
| 3 | Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật đấu thầu ⁽³⁾ | | | |
| 3.1 | Hạch toán tài chính độc lập ⁽³⁾ | | | |
| 3.2 | Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp ⁽³⁾ | | | |
| 3.3 | Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu ⁽³⁾ | | | |
| 3.4 | Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu ⁽³⁾ | | | |
| 3.5 | Đáp ứng điều kiện về cấp doanh nghiệp ⁽⁴⁾ | | | |
| KẾT LUẬN | | | | |
| Người đánh giá (Ký và ghi rõ họ tên) | | | | |

Ghi chú:

(1) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản scan thư bảo lãnh đính kèm E-HSDT, trừ trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 10 triệu đồng.

(2) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản thỏa thuận liên danh thuộc E-HSDT.

(3) Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT.

(4) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 5 tỷ đồng. Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại cột "nhận xét của chuyên gia". Trường hợp Hệ thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá "không đạt", Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt".

Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)

ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

E-HSDT của nhà thầu: _____ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng nhà thầu theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm trong E-HSMT ⁽¹⁾ | | Thông tin trong E-HSDT ⁽²⁾ | Kết quả đánh giá ⁽³⁾ | | Nhận xét của chuyên gia |
|--|---------------|---------------------------------------|---------------------------------|-----------|-------------------------|
| Stt | Mô tả Yêu cầu | | Đạt | Không đạt | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Kết luận | | | | | |

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2): Hệ thống tự động trích xuất thông tin trong E-HSMT và E-HSDT.

(3): Việc đánh giá thực hiện như sau:

- Lịch sử không hoàn thành hợp đồng: Hệ thống đánh giá căn cứ thông tin nhà thầu kê khai trên webform
- Thực hiện nghĩa vụ thuế: Hệ thống đánh giá căn cứ cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu
- Kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hàng năm: Đối với số liệu từ 2021 trở đi, Hệ thống đánh giá căn cứ thông tin được trích xuất hoặc thông tin do nhà thầu cập nhật; đối với số liệu trước năm 2021, hệ thống đánh giá căn cứ thông tin do nhà thầu kê khai.
- Nguồn lực tài chính (đối với gói thầu xây lắp): Đối với cam kết cung cấp tín dụng, tổ chuyên gia căn cứ vào tài liệu đính kèm để đánh giá. Cam kết cung cấp tín dụng bổ sung sau thời điểm đóng thầu sẽ không được xem xét, đánh giá. Trường hợp cam kết tín dụng của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu, tổ chuyên gia tiếp tục đánh giá nguồn lực tài chính căn cứ thông tin kê khai, trích xuất trên webform.
- Đối với các nội dung về hợp đồng tương tự; nhân sự chủ chốt; thiết bị thi công chủ yếu; khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp dịch vụ sau bán hàng khác: Tổ chuyên gia đánh giá.
- Tổ chuyên gia ghi rõ ý kiến nhận xét đối với các nội dung tổ chuyên gia đánh giá là không đạt.

Mẫu số 03A (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng phương pháp chấm điểm)

E-HSDT của nhà thầu _____

| Stt | Nội dung đánh giá ⁽¹⁾ | Mức điểm quy định trong E-HSMT ⁽²⁾ | | ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾ | | Ghi chú |
|-------------------------------|----------------------------------|---|----------------|-------------------------|-------------------------|---------|
| | | Điểm tối đa | Điểm tối thiểu | Điểm | Nhận xét của chuyên gia | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| TỔNG CỘNG | | | | | | |
| KẾT LUẬN⁽⁴⁾ | | | | | | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong E-HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của E-HSMT trên cơ sở số điểm của nhà thầu.

Mẫu số 03B (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

E-HSDT của nhà thầu _____

| Stt | Nội dung đánh giá ⁽¹⁾ | Kết quả đánh giá ⁽²⁾ | | Nhận xét của chuyên gia | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|---------------------------------|----------------|-------------------------|---------|
| | | Đạt | Chấp nhận được | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | KẾT LUẬN⁽³⁾ | | | | |

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong E-HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia. Tiêu chí "Chấp nhận được" chỉ áp dụng trong trường hợp tiêu chuẩn đánh giá thuộc E-HSMT có quy định về nội dung "Chấp nhận được".

(3) E-HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong E-HSMT.

Mẫu số 04 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

XÁC ĐỊNH ΔG
(Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá)

E-HSĐT của nhà thầu _____

| Stt | Công thức xác định ΔG | $\Delta G^{(1)}$ |
|-----|-------------------------------|------------------|
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |
| 4 | TỔNG CỘNG | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) ΔG tại biểu này chưa bao gồm $\Delta UĐ$ phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mẫu số 06.
Không cần xác định ΔG nếu chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mẫu số 05 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

**XÁC ĐỊNH DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC VÀ KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG
ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI CỦA GÓI THẦU
(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)**

Trường hợp hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì tổ chuyên gia tiến hành kiểm tra, tính toán lại về tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước để xác định hàng hóa do nhà thầu chào có thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi hay không. Từ đó, xác định các hàng hóa thuộc, không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong tổng số các loại hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở xác định Δ_{UB} theo Mẫu số 6 như sau:

| Stt | Hàng hóa ⁽¹⁾ | Nhà thầu chào hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi ⁽²⁾ | Nhà thầu chào hàng hóa không thuộc ưu đãi ⁽³⁾ | Ghi chú |
|-----|-------------------------|---|--|---------|
| | Hàng hóa 1 | | | |
| | Hàng hóa 2 | | | |
| | Hàng hóa 3 | | | |
| | ... | | | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên hàng hóa.

(2) Tên các nhà thầu chào hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

(3) Tên các nhà thầu chào hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

Không cần xác định ưu đãi nếu chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, các nhà thầu cùng chào hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi hoặc cùng chào hàng hóa không thuộc đối tượng hưởng ưu đãi.

Mẫu số 06 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

**XÁC ĐỊNH Δ_{UB} ĐỐI VỚI HÀNG HÓA
KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI**
(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)

E-HSDT của nhà thầu _____

| Stt | Hàng hóa ⁽¹⁾ | Giá dự thầu trừ giá trị giảm giá (nếu có) ⁽²⁾ | Δ_{UB} ⁽³⁾ |
|------------------|-------------------------|--|------------------------------|
| | Hàng hóa 1 | | |
| | Hàng hóa 2 | | |
| | ... | | |
| Tổng cộng | | | |

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 05;
 - (2) Giá dự thầu trừ giá trị giảm giá (nếu có) của từng loại hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi
 - (3) Δ_{UB} đối với hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi = $7,5\% \times$ Giá dự thầu trừ giá trị giảm giá (nếu có).
- Không cần xác định ưu đãi nếu chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc tất cả các nhà thầu cùng chào hàng hóa được hưởng ưu đãi hoặc cùng chào hàng hóa không được hưởng ưu đãi.

Mẫu số 07A (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH
(Phương pháp giá đánh giá)

E-HSDT của nhà thầu _____

| S/tt | Nội dung | Giá trị |
|------|---|----------------|
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có) | |
| 2 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa ⁽¹⁾ | |
| 3 | Giá trị giảm giá (nếu có) | |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) | |
| 5 | ΔG | Theo Mẫu số 04 |
| 6 | Δ_{UB} (nếu có) ⁽²⁾ | Theo Mẫu số 06 |
| 7 | Giá đánh giá | |

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp sử dụng loại hợp đồng trọn gói (nếu có)

(2) Δ_{UB} : chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa.

Không cần xác định giá đánh giá nếu chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mẫu số 07B (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH
(Phương pháp giá thấp nhất)

E-HSDT của nhà thầu _____

| Stt | Nội dung | Giá trị |
|-----|--|----------------|
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có) | |
| 2 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa ⁽¹⁾ | |
| 3 | Giá trị giảm giá (nếu có) | |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) | |
| 5 | $\Delta_{\text{ƯĐ}}$ (nếu có) ⁽²⁾ | Theo Mẫu số 06 |
| 6 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) và sau khi tính ưu đãi (nếu có) | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp áp dụng hợp đồng trọn gói (nếu có)

(2) $\Delta_{\text{ƯĐ}}$: chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa.

[TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ
ĐÁNH GIÁ E-HSDT]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Gói thầu _____ [Hệ thống trích xuất]

Thuộc dự án _____ [Hệ thống trích xuất]

Kính gửi: _____ [Hệ thống trích xuất]

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Chủ đầu tư: [Hệ thống trích xuất]
- Bên mời thầu: [Hệ thống trích xuất]
- Tên dự án: [Hệ thống trích xuất]
- Tên gói thầu: [Hệ thống trích xuất];
- Số KHLCNT: [Hệ thống trích xuất] thời điểm đăng tải [Hệ thống trích xuất];
- Số E-TBMT: [Hệ thống trích xuất] thời điểm đăng tải [Hệ thống trích xuất];
- Các văn bản pháp lý liên quan: (Phần này tổ chức/đơn vị đánh giá E-HSDT liệt kê).

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được [Ghi tên Bên mời thầu/đơn vị tư vấn] thành lập theo Quyết định số [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện đánh giá E-HSDT gói thầu [trích xuất từ Hệ thống] thuộc dự án [trích xuất từ Hệ thống].

Trường hợp Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn đánh giá E-HSDT thì bổ sung nội dung sau:

Căn cứ hợp đồng số [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa [Ghi tên Bên mời thầu] và _____ [Ghi tên đơn vị tư vấn] về việc thuê tổ chức/

đơn vị đánh giá E-HSDT gói thầu *[trích xuất từ Hệ thống]* thuộc dự án *[trích xuất từ Hệ thống]*.

b) Thành phần tổ chuyên gia:

*Số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia được nêu tại **Bảng số 1**.*

Bảng số 1

| Stt | Họ và tên | Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia | Phân công công việc của các thành viên |
|-----|-----------|-------------------------------------|--|
| | | | |
| | | | |

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDT

1. Biên bản mở thầu

[trích xuất biên bản mở thầu từ Hệ thống]

2. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

a) Kết quả đánh giá về tính hợp lệ E-HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây: *(trích xuất từ Mẫu số 01)*

Bảng số 2

| Stt | Tên nhà thầu | Kết luận (Đạt, không đạt) |
|-----|--------------|---------------------------|
| | | |
| | | |

b) Thuyết minh về các trường hợp E-HSDT không hợp lệ: *(Hệ thống tự động trích xuất các nội dung ý kiến của tổ chuyên gia về việc nhà thầu được đánh giá không đạt, kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E-HSDT).*

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ E-HSĐT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E-HSĐT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐT của nhà thầu.*

3. Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

a) Kết quả đánh giá về năng lực, kinh nghiệm được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây: *(trích xuất từ Mẫu số 02):*

Bảng số 3

| Stt | Tên nhà thầu | Kết luận (Đạt, không đạt) |
|-----|--------------|------------------------------|
| | | |
| | | |

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong E-HSMT. *Phần này thuyết minh chi tiết về việc không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E-HSĐT, thay thế nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu (nếu có)).*

c) Các nội dung làm rõ E-HSĐT nhằm chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E-HSĐT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐT của nhà thầu (nếu có).*

4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật

a) Kết quả đánh giá về kỹ thuật được tổng hợp theo **Bảng số 4** dưới đây: *(tổng hợp từ Mẫu số 03A hoặc Mẫu số 03B):*

Bảng số 4

| Stt | Tên nhà thầu | Kết quả đánh giá | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------|---------|
| | | | |
| | | | |

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong E-HSMT (kể cả khi đã làm rõ E-HSĐT). *Thuyết minh chi tiết về việc nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của E-HSĐT.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá. *Phần này nêu rõ các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá, bao gồm cả trường hợp trong tổ chuyên gia có một hoặc một số thành viên có đánh giá khác biệt so với đa số các thành viên còn lại và biện pháp xử lý đối với trường hợp đó (nếu có).*

5. Kết quả đánh giá về tài chính

Kết quả đánh giá về giá được tổng hợp theo **Bảng số 5** dưới đây: *(được tổng hợp từ Mẫu số 07A hoặc 07B):*

Bảng số 5

| Stt | Nội dung | Nhà thầu A | Nhà thầu B | ... |
|-----|--|------------|------------|-----|
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có) | | | |
| 2 | Hiệu chỉnh sai lệch thừa (đối với gói thầu xây lắp áp dụng hợp đồng trọn gói, nếu có) | | | |
| 3 | Giá trị giảm giá (nếu có) | | | |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) | | | |
| | Phương pháp giá thấp nhất | | | |
| 5 | Δ_{UB} (nếu có) | | | |
| 6 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có) | | | |
| | Phương pháp giá đánh giá | | | |
| 7 | Δ_G | | | |
| 8 | Δ_{UB} (nếu có) | | | |
| 9 | Giá đánh giá | | | |

Phần này nêu các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá về tài chính (nếu có).

6. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá E-HSDT

Trên cơ sở đánh giá E-HSDT của tổ chuyên gia, kết quả đánh giá E-HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 6** với các nội dung cơ bản như sau:

Bảng số 6

| Stt | Nội dung | Nhà thầu | | |
|-----|---|----------|---|-----|
| | | A | B | ... |
| 1 | Kết quả đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT | | | |
| 2 | Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm | | | |
| 3 | Kết quả đánh giá về kỹ thuật | | | |
| | Phương pháp giá thấp nhất | | | |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có) | | | |
| 5 | Xếp hạng các E-HSDT* | | | |
| | Phương pháp giá đánh giá | | | |
| 6 | Giá đánh giá (sau khi tính ưu đãi) | | | |
| 7 | Xếp hạng các E-HSDT* | | | |

Ghi chú:

- * Đối với gói thầu xây lắp, phi tư vấn: việc xếp hạng các E-HSDT cần xem xét đến các trường hợp được hưởng ưu đãi như sau:

+ E-HSDT của nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc thương binh, người khuyết tật chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên và có hợp đồng lao động tối thiểu 03 tháng; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ được xếp hạng cao hơn E-HSDT của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp E-HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 63/CP.

+ Trường hợp sau khi ưu đãi, nếu các E-HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 63/CP.

- Trường hợp chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, không cần xác định ưu đãi, giá đánh giá, xếp hạng nhà thầu.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá E-HSĐT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

- 1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;*
- 2. Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá E-HSĐT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý. [Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]*

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

| Stt | Nội dung đánh giá | Ý kiến bảo lưu | Lý do | Ký tên |
|------------|--------------------------|-----------------------|--------------|---------------|
| | | | | |
| | | | | |

[Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

MẪU SỐ 6B

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ DỰ THẦU QUA MẠNG
CHO GÓI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN,
MUA SẴM HÀNG HÓA
(theo quy trình số 02)
(phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT
ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

PHẦN I:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Gói thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Dự án: [trích xuất từ Hệ thống]

Chủ đầu tư: [trích xuất từ Hệ thống]

Bên mời thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Mẫu số 01 (Webform trên Hệ thống)

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu _____ (Hệ thống tự động trích xuất tên của Nhà thầu xếp thứ nhất theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

| Stt | Nội dung đánh giá trong E-HSMT | Kết quả đánh giá | | Nhận xét của chuyên gia |
|-----------------|---|------------------|-----------|-------------------------|
| | | Đạt | Không đạt | |
| 1 | Bảo đảm dự thầu ⁽¹⁾ | | | |
| 2 | Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) ⁽²⁾ | | | |
| 3 | Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật đấu thầu ⁽³⁾ | | | |
| 3.1 | Hạch toán tài chính độc lập ⁽³⁾ | | | |
| 3.2 | Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp ⁽³⁾ | | | |
| 3.3 | Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu ⁽³⁾ | | | |
| 3.4 | Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu ⁽³⁾ | | | |
| KẾT LUẬN | | | | |

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản scan thư bảo lãnh đính kèm E-HSDT, trừ trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 10 triệu đồng.

(2) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản thỏa thuận liên danh thuộc E-HSDT.

(3) Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại cột "nhận xét của chuyên gia". Trường hợp Hệ thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá "không đạt", Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt".

Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)**ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

E-HSDT của nhà thầu: _____ (Hệ thống tự động trích xuất tên của nhà thầu xếp thứ nhất theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm trong E-HSMT ⁽¹⁾ | | Thông tin trong E-HSDT ⁽²⁾ | Kết quả đánh giá ⁽³⁾ | | Nhận xét của chuyên gia |
|--|---------------|---------------------------------------|---------------------------------|-----------|-------------------------|
| Stt | Mô tả Yêu cầu | | Đạt | Không đạt | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Kết luận | | | | | |

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2): Hệ thống tự động trích xuất thông tin trong E-HSMT và E-HSDT.

(3): Việc đánh giá thực hiện như sau:

- Lịch sử không hoàn thành hợp đồng: Hệ thống đánh giá căn cứ thông tin nhà thầu kê khai trên webform
- Thực hiện nghĩa vụ thuế: Hệ thống đánh giá căn cứ cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu
- Kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hàng năm: Đối với số liệu từ 2021 trở đi, Hệ thống đánh giá căn cứ thông tin được trích xuất hoặc thông tin do nhà thầu cập nhật; đối với số liệu trước năm 2021, hệ thống đánh giá căn cứ thông tin do nhà thầu kê khai.
- Đối với các nội dung về hợp đồng tương tự; nhân sự chủ chốt; thiết bị thi công chủ yếu; khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác: Tổ chuyên gia đánh giá.
- Tổ chuyên gia ghi rõ ý kiến nhận xét đối với các nội dung tổ chuyên gia đánh giá là không đạt.

Mẫu số 03A (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng phương pháp chấm điểm)

E-HSDT của nhà thầu _____

| Stt | Nội dung đánh giá ⁽¹⁾ | Mức điểm quy định trong E-HSMT ⁽²⁾ | | ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾ | | Ghi chú |
|-------------------------------|----------------------------------|---|----------------|-------------------------|-------------------------|---------|
| | | Điểm tối đa | Điểm tối thiểu | Điểm | Nhận xét của chuyên gia | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| TỔNG CỘNG | | | | | | |
| KẾT LUẬN⁽⁴⁾ | | | | | | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong E-HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của E-HSMT trên cơ sở số điểm của nhà thầu.

Mẫu số 03B (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

E-HSDT của nhà thầu _____

| Stt | Nội dung đánh giá ⁽¹⁾ | Kết quả đánh giá ⁽²⁾ | | Nhận xét của chuyên gia | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|---------------------------------|----------------|-------------------------|---------|
| | | Đạt | Chấp nhận được | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | KẾT LUẬN⁽³⁾ | | | | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong E-HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia. Tiêu chí "chấp nhận được" chỉ áp dụng khi nội dung tiêu chuẩn đánh giá trong E-HSMT có quy định về nội dung "Chấp nhận được".

(3) E-HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong E-HSMT.

[TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ
ĐÁNH GIÁ E-HSDT]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Gói thầu _____ [Hệ thống trích xuất]

Thuộc dự án _____ [Hệ thống trích xuất]

Kính gửi: _____ [Hệ thống trích xuất tên bên mời thầu]

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Chủ đầu tư: [Hệ thống trích xuất]
- Bên mời thầu: [Hệ thống trích xuất]
- Tên dự án: [Hệ thống trích xuất]
- Tên gói thầu: [Hệ thống trích xuất];
- Số KHLCNT: [Hệ thống trích xuất] thời điểm đăng tải [Hệ thống trích xuất];
- Số E-TBMT: [Hệ thống trích xuất] thời điểm đăng tải [Hệ thống trích xuất];
- Các văn bản pháp lý liên quan: (Phần này tổ chức/đơn vị đánh giá E-HSDT liệt kê).

2. Tổ chuyên gia

Tổ chuyên gia được [Ghi tên Bên mời thầu/đơn vị tư vấn] thành lập theo Quyết định số [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện đánh giá E-HSDT gói thầu [trích xuất từ Hệ thống] thuộc dự án [trích xuất từ Hệ thống].

Trường hợp Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn đánh giá E-HSDT thì bổ sung nội dung sau:

Căn cứ hợp đồng số [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa [Ghi tên Bên mời thầu] và _____ [Ghi tên đơn vị tư vấn] về việc thuê tổ chức/

đơn vị đánh giá E-HSDT gói thầu [trích xuất từ Hệ thống] thuộc dự án [trích xuất từ Hệ thống].

b) Thành phần tổ chuyên gia:

Số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia được nêu tại **Bảng số 1**.

Bảng số 1

| Stt | Họ và tên | Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia | Phân công công việc của các thành viên |
|-----|-----------|-------------------------------------|--|
| | | | |
| | | | |

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDT

1. Kết quả mở thầu

a) Kết quả mở thầu được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây (sắp xếp theo thứ tự giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) từ thấp đến cao):

Bảng số 2

| Stt | Tên nhà thầu | Giá gói thầu | Giá dự thầu | Giá trị giảm giá (nếu có) | Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) | Xếp hạng nhà thầu |
|-----|--------------|--------------|-------------|---------------------------|--|-------------------|
| | | | | | | |
| | | | | | | |

2. Kết quả đánh giá tính hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật

Kết quả đánh giá về tính hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật của E-HSDT xếp thứ nhất được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây (*tổng hợp từ Mẫu số 01, 02, 03A hoặc 03B*):

Bảng số 3

| Tên nhà thầu | Tính hợp lệ | Năng lực, kinh nghiệm | Kỹ thuật |
|-----------------------|-------------|-----------------------|----------|
| Nhà thầu xếp thứ nhất | | | |

- Thuyết minh trong trường hợp E-HSDT không hợp lệ (*kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu (nếu có)*).

- Các nội dung bổ sung, làm rõ E-HSDT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT của nhà thầu (nếu có)*.

[Trường hợp E-HSDT xếp thứ nhất được đánh giá là không đáp ứng về tính hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật thì thực hiện đánh giá tương tự các nội dung trên đối với E-HSDT xếp hạng tiếp theo].

3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá E-HSDT

Kết quả đánh giá E-HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 4** với các nội dung cơ bản như sau:

Bảng số 4

| Stt | Tên nhà thầu | Kết quả mở thầu (giá sau giảm giá) | Xếp hạng | Đánh giá E-HSDT | | | Kết luận |
|-----|--------------|------------------------------------|----------|-----------------|-----------------------|----------|----------|
| | | | | Tính hợp lệ | Năng lực, kinh nghiệm | Kỹ thuật | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

Đối với các E-HSDT không được xem xét, đánh giá thì tại các cột đánh giá E-HSDT ghi “Không đánh giá”.

Tổ chuyên gia nêu các ý kiến nhận xét (nếu có): _____

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá E-HSDT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

3. Tên nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng

4. Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá E-HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.

[Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

| Stt | Nội dung đánh giá | Ý kiến bảo lưu | Lý do | Ký tên |
|------------|--------------------------|-----------------------|--------------|---------------|
| | | | | |

[Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

MẪU SỐ 6C

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU QUA MẠNG CHO GÓI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN, MUA SẴM HÀNG HÓA, XÂY LẮP (phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT
ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

PHẦN I:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDXKT

Gói thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Dự án: [trích xuất từ Hệ thống]

Chủ đầu tư: [trích xuất từ Hệ thống]

Bên mời thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Mẫu số 01 (Webform trên Hệ thống)

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDXXKT

E-HSDXXKT của Nhà thầu _____ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng Nhà thầu theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

| Stt | Nội dung đánh giá trong E-HSMT | Kết quả đánh giá | | Nhận xét của chuyên gia |
|-----------------|---|------------------|-----------|-------------------------|
| | | Đạt | Không đạt | |
| 1 | Bảo đảm dự thầu ⁽¹⁾ | | | |
| 2 | Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) ⁽²⁾ | | | |
| 3 | Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật đấu thầu ⁽³⁾ | | | |
| 3.1 | Hạch toán tài chính độc lập ⁽³⁾ | | | |
| 3.2 | Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp ⁽³⁾ | | | |
| 3.3 | Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu ⁽³⁾ | | | |
| 3.4 | Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu ⁽³⁾ | | | |
| 3.5 | Đáp ứng điều kiện về cấp doanh nghiệp ⁽³⁾ | | | |
| KẾT LUẬN | | | | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản scan thư bảo lãnh đính kèm E-HSDT, trừ trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 10 triệu đồng.
- (2) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản thỏa thuận liên danh thuộc E-HSDT.
- (3) Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT.
- (4) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 5 tỷ đồng. Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại cột "nhận xét của chuyên gia". Trường hợp Hệ thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá "không đạt", Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt".

Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)**ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

- E-HSDXKT của Nhà thầu: _____ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng nhà thầu theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm trong E-HSMT ⁽¹⁾ | | Thông tin trong E-HSDXKT ⁽²⁾ | Kết quả đánh giá ⁽³⁾ | | Nhận xét của chuyên gia |
|--|-------|---|---------------------------------|-----|-------------------------|
| Stt | Mô tả | | Yêu cầu | Đạt | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Kết luận | | | | | |

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2): Hệ thống tự động trích xuất thông tin trong E-HSMT và E-HSDXKT.

(3): Việc đánh giá thực hiện như sau:

- Lịch sử không hoàn thành hợp đồng: Hệ thống đánh giá căn cứ thông tin nhà thầu kê khai trên webform
- Thực hiện nghĩa vụ thuế: Hệ thống đánh giá căn cứ cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu
- Kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hàng năm: Đối với số liệu từ 2021 trở đi, Hệ thống đánh giá căn cứ thông tin do nhà thầu kê khai.
- Nguồn lực tài chính (đối với gói thầu xây lắp): Đối với cam kết cung cấp tin dụng, tổ chuyên gia căn cứ vào tài liệu đính kèm để đánh giá. Cam kết cung cấp tin dụng bổ sung sau thời điểm đóng thầu sẽ không được xem xét, đánh giá. Trường hợp cam kết tin dụng của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu, tổ chuyên gia tiếp tục đánh giá nguồn lực tài chính căn cứ thông tin kê khai, trích xuất trên webform.

- Đối với các nội dung về hợp đồng tương tự; nhân sự chủ chốt; thiết bị thi công chủ yếu; khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác: Tổ chuyên gia đánh giá.

- Tổ chuyên gia ghi rõ ý kiến nhận xét đối với các nội dung tổ chuyên gia đánh giá là không đạt.

Mẫu số 03A (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng phương pháp chấm điểm)

E-HSDXKT của nhà thầu _____

| Stt | Nội dung đánh giá ⁽¹⁾ | Mức điểm quy định trong E-HSMT ⁽²⁾ | | ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾ | | Ghi chú |
|-------------------------------|----------------------------------|---|----------------|-------------------------|-------------------------|---------|
| | | Điểm tối đa | Điểm tối thiểu | Điểm | Nhận xét của chuyên gia | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| TỔNG CỘNG | | | | | | |
| KẾT LUẬN⁽⁴⁾ | | | | | | |

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong E-HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của E-HSMT trên cơ sở số điểm của nhà thầu.

Mẫu số 03B (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

E-HSDXKT của nhà thầu_____

| Stt | Nội dung đánh giá ⁽¹⁾ | Kết quả đánh giá ⁽²⁾ | | Nhận xét của chuyên gia | Ghi chú |
|-------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|----------------|-------------------------|---------|
| | | Đạt | Chấp nhận được | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| KẾT LUẬN⁽³⁾ | | | | | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong E-HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia. Tiêu chí "chấp nhận được" chỉ áp dụng trong trường hợp tiêu chuẩn đánh giá thuộc E-HSMT có quy định.

(3) E-HSDXKT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong E-HSMT.

[TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ
ĐÁNH GIÁ E-HSDXKT]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDXKT

Gói thầu _____ [Hệ thống trích xuất]

Thuộc dự án _____ [Hệ thống trích xuất]

Kính gửi: _____ [Hệ thống trích xuất tên bên mời thầu]

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Chủ đầu tư: [Hệ thống trích xuất];
- Bên mời thầu: [Hệ thống trích xuất];
- Tên dự án: [Hệ thống trích xuất];
- Tên gói thầu: [Hệ thống trích xuất];
- Số KHLCNT: [Hệ thống trích xuất] thời điểm đăng tải [Hệ thống trích xuất];
- Số E-TBMT: [Hệ thống trích xuất] thời điểm đăng tải [Hệ thống trích xuất];
- Các văn bản pháp lý liên quan (Phần này đơn vị lập báo cáo đánh giá E-HSDXKT liệt kê).

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được [Ghi tên Bên mời thầu/đơn vị tư vấn] thành lập theo Quyết định số [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện đánh giá E-HSDXKT gói thầu [trích xuất từ Hệ thống] thuộc dự án [trích xuất từ Hệ thống].

Trường hợp Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn đánh giá E-HSDXKT thì bổ sung nội dung sau:

Căn cứ hợp đồng số [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa [Ghi tên Bên mời thầu] và _____ [Ghi tên đơn vị tư vấn] về việc thuê tổ chức/

đơn vị đánh giá E-HSĐXKT gói thầu *[trích xuất từ Hệ thống]* thuộc dự án *[trích xuất từ Hệ thống]*.

b) Thành phần tổ chuyên gia:

*Số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia được nêu tại **Bảng số 1**.*

Bảng số 1

| Stt | Họ và tên | Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia | Phân công công việc của các thành viên |
|-----|-----------|-------------------------------------|--|
| | | | |
| | | | |

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSĐXKT

1. Biên bản mở thầu

[trích xuất biên bản mở thầu từ Hệ thống]

2. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐXKT

a) Kết quả đánh giá về tính hợp lệ của E-HSĐXKT được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây: *(trích xuất từ Mẫu số 01)*

Bảng số 2

| Stt | Tên nhà thầu | Kết luận (Đạt, không đạt) |
|-----|--------------|---------------------------|
| | | |
| | | |

b) Thuyết minh về các trường hợp E-HSĐXKT không hợp lệ: *(Hệ thống tự động trích xuất các nội dung ý kiến của tổ chuyên gia về việc nhà thầu được đánh giá không đạt, kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E-HSĐXKT (nếu có)).*

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ E-HSĐXKT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E-HSĐT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐXKT của nhà thầu (nếu có).*

3. Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

a) Kết quả đánh giá về năng lực, kinh nghiệm được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây: *(trích xuất từ Mẫu số 02):*

Bảng số 3

| Stt | Tên nhà thầu | Kết luận (Đạt, không đạt) |
|-----|--------------|------------------------------|
| | | |
| | | |
| | | |

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong E-HSĐXKT. *Phần này thuyết minh chi tiết về việc không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật của nhà thầu (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E-HSĐXKT, thay thế nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu (nếu có)).*

c) Các nội dung làm rõ E-HSĐXKT nhằm chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E-HSĐXKT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐXKT của nhà thầu (nếu có).*

4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật

a) Kết quả đánh giá về kỹ thuật được tổng hợp theo **Bảng số 4** dưới đây: *(tổng hợp từ Mẫu số 03A hoặc Mẫu số 03B):*

Bảng số 4

| Stt | Tên nhà thầu | Kết quả đánh giá | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------|---------|
| | | | |
| | | | |

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong E-HSMT (kể cả khi đã làm rõ E-HSDXKT (nếu có)). *Thuyết minh chi tiết về việc nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá. *Phần này nêu rõ các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá, bao gồm cả trường hợp trong tổ chuyên gia có một hoặc một số thành viên có đánh giá khác biệt so với đa số các thành viên còn lại và biện pháp xử lý đối với trường hợp đó (nếu có).*

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá E-HSDXKT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

1. Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

2. Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá E-HSDXKT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.

[Trường hợp nội dung này không có thì ghi KHÔNG CÓ]

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

| Stt | Nội dung đánh giá | Ý kiến bảo lưu | Lý do | Ký tên |
|-----|-------------------|----------------|-------|--------|
| | | | | |
| | | | | |

[Trường hợp nội dung này không có thì ghi KHÔNG CÓ]

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

PHẦN II:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDXTC

Gói thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Dự án: [trích xuất từ Hệ thống]

Chủ đầu tư: [trích xuất từ Hệ thống]

Bên mời thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Mẫu số 01 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

**XÁC ĐỊNH DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC VÀ KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG
ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI CỦA GÓI THẦU HÀNG HÓA**

Trường hợp hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì tổ chuyên gia tiến hành kiểm tra, tính toán lại về tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước để xác định hàng hóa do nhà thầu chào có thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi hay không. Từ đó, xác định các hàng hóa thuộc, không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong tổng số các loại hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở xác định điểm ưu đãi, Δ_{UD} theo Mẫu số 02A hoặc Mẫu số 02B như sau:

| Stt | Hàng hóa ⁽¹⁾ | Nhà thầu chào hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi ⁽²⁾ | Nhà thầu chào hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi ⁽³⁾ | Ghi chú |
|-----|-------------------------|---|---|---------|
| | Hàng hóa 1 | | | |
| | Hàng hóa 2 | | | |
| | Hàng hóa 3 | | | |
| | ... | | | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên hàng hóa.
 - (2) Tên các nhà thầu chào hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.
 - (3) Tên các nhà thầu chào hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.
- Không cần xác định ưu đãi nếu chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, các nhà thầu cùng chào hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi hoặc cùng chào hàng hóa không thuộc đối tượng hưởng ưu đãi.

Mẫu số 02A (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

**XÁC ĐỊNH Δ_{UD} ĐỐI VỚI HÀNG HÓA
KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI**

(Đối với gói thầu hàng hóa áp dụng
phương pháp giá thấp nhất và giá đánh giá)

E-HSDXTC của nhà thầu _____

| Stt | Hàng hóa ⁽¹⁾ | Giá dự thầu trừ giá trị giảm giá (nếu có) ⁽²⁾ | Δ_{UD} ⁽³⁾ |
|------------------|-------------------------|--|------------------------------|
| | Hàng hóa 1 | | |
| | Hàng hóa 2 | | |
| | ... | | |
| Tổng cộng | | | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 01;
 - (2) Giá dự thầu sau trừ giá trị giảm giá (nếu có) của từng loại hàng hóa tương ứng ở cột (2);
 - (3) Δ_{UD} đối với hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi = $7,5\% \times$ Giá dự thầu trừ giá trị giảm giá (nếu có).
- Không cần xác định ưu đãi nếu chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mẫu số 03A (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

XÁC ĐỊNH ΔG

(Đối với gói thầu hàng hóa áp dụng phương pháp giá đánh giá)

E-HSDT của nhà thầu _____

| Stt | Công thức xác định ΔG | $\Delta G^{(1)}$ |
|-----|-------------------------------|------------------|
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |
| 4 | TỔNG CỘNG | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) ΔG tại biểu này chưa bao gồm $\Delta UĐ$ phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mẫu số 02A.
Không cần xác định ΔG nếu chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mẫu số 03B (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

XÁC ĐỊNH ĐIỂM TỔNG HỢP

(Đối với gói thầu hàng hóa áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá)

E-HSDXTC của nhà thầu _____

A. Xác định điểm giá

| $G_{\text{nà thầu}}$ (1) | $G_{\text{thấp nhất}}$ (2) | Điểm giá (điểm) (3) |
|-----------------------------|-------------------------------|------------------------|
| | | |

Ghi chú:

- (1) Là giá dự thầu trừ giá trị giảm giá (nếu có) của E-HSDXTC của nhà thầu.
 (2) Là giá dự thầu trừ giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính.
 (3) Điểm giá = (2) x (100 hoặc 1000)/(1).

B. Xác định điểm tổng hợp

| Đề xuất về kỹ thuật | | Đề xuất về tài chính | | Điểm tổng hợp | Điểm ưu đãi (nếu có) | Điểm tổng hợp sau ưu đãi |
|---------------------|-----|----------------------|-----|---------------|----------------------|--------------------------|
| Điểm kỹ thuật | K% | Điểm giá | G% | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| | | | | | | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Điểm kỹ thuật của nhà thầu đang xét;
 (2) Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong E-HSMT;
 (3) Điểm nêu tại bảng xác định điểm giá;
 (4) Tỷ trọng điểm về giá quy định trong E-HSMT;
 (5) = (1) x (2) + (3) x (4);
 (6) Điểm ưu đãi xác định tại Mẫu 02B;
 (7) = (5) + (6).

Mẫu số 04A (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

XÁC ĐỊNH ΔG

(Đối với gói thầu xây lắp, phi tư vấn áp dụng phương pháp giá đánh giá)

E-HSDT của nhà thầu _____

| Stt | Công thức xác định ΔG | $\Delta G^{(1)}$ |
|-----|-------------------------------|------------------|
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |
| 4 | TỔNG CỘNG | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Không cần xác định ΔG nếu chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mẫu số 04B (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

XÁC ĐỊNH ĐIỂM TỔNG HỢP

(Đối với gói thầu xây lắp, phi tư vấn áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá)
E-HSDXTC của nhà thầu _____

A. Xác định điểm giá

| $G_{\text{nà thầu}}$ (1) | $G_{\text{thấp nhất}}$ (2) | Điểm giá (điểm) (3) |
|-----------------------------|-------------------------------|------------------------|
| | | |

Ghi chú:

- (1) Là giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (đối với gói thầu xây lắp áp dụng hợp đồng trọn gói, nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có) của E-HSDXTC của nhà thầu.
- (2) Là giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (đối với gói thầu xây lắp áp dụng hợp đồng trọn gói, nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính.
- (3) Điểm giá = $(2) \times (100 \text{ hoặc } 1000) / (1)$.

B. Xác định điểm tổng hợp

| Điểm kỹ thuật (1) | Đề xuất về kỹ thuật | | Đề xuất về tài chính | | Điểm tổng hợp (5) |
|----------------------|---------------------|-----------------|----------------------|----|----------------------|
| | K% | Điểm giá (3) | Điểm giá (3) | G% | |
| | (2) | | (4) | | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Điểm kỹ thuật của nhà thầu đang xét;
- (2) Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong E-HSMT;
- (3) Điểm nêu tại bảng xác định điểm giá;
- (4) Tỷ trọng điểm về giá quy định trong E-HSMT;
- (5) = $(1) \times (2) + (3) \times (4)$;

Không cần xác định điểm tổng hợp nếu chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mẫu số 05A (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH
(Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá)

E-HSDXTC của nhà thầu _____

| Stt | Nội dung | Giá trị |
|-----|---|----------------------|
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có) | |
| 2 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa (đối với gói thầu xây lắp áp dụng hợp đồng trọn gói, nếu có) | |
| 3 | Giá trị giảm giá (nếu có) | |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) | |
| 5 | $\Delta G^{(1)}$ | Theo Mẫu số 03A, 04A |
| 6 | Δ_{UB} (đối với gói thầu hàng hóa, nếu có) | Theo Mẫu số 02A |
| 7 | Giá đánh giá | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) ΔG đối với gói thầu hàng hóa được xác định tại Mẫu số 03A, đối với gói thầu xây lắp, phi tư vấn được xác định tại Mẫu 04A.

Mẫu số 05B (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH
(Đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá)

E-HSDXTC của nhà thầu _____

| Stt | Nội dung | Giá trị |
|------------|---|----------------------|
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có) | |
| 2 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa (đối với gói thầu xây lắp áp dụng hợp đồng trọn gói, nếu có) | |
| 3 | Giá trị giảm giá (nếu có) | |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) | |
| 5 | Điểm giá | |
| 6 | Điểm kỹ thuật | |
| 7 | Điểm tổng hợp ⁽¹⁾ | Theo Mẫu số 03B, 04B |
| 8 | Điểm ưu đãi (đối với gói thầu hàng hóa, nếu có) | Theo Mẫu số 02B |
| 9 | Điểm tổng hợp sau ưu đãi | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Điểm tổng hợp đối với gói thầu hàng hóa được xác định tại Mẫu 03B; đối với gói thầu xây lắp, phi tư vấn được xác định tại Mẫu 04B.

Mẫu số 05C (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH
(Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất)

E-HSDXTC của nhà thầu _____

| Stt | Nội dung | Giá trị |
|-----|--|---------|
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có) | |
| 2 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa (đối với gói thầu xây lắp áp dụng hợp đồng trọn gói, nếu có) | |
| 3 | Giá trị giảm giá (nếu có) | |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) | |
| 5 | Δ_{UB} (đối với gói thầu hàng hóa, nếu có) | |
| 6 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có) | |

Người đánh giá
Ký và ghi rõ họ tên)

[TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ
ĐÁNH GIÁ E-HSDXTC]CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDXTC

Gói thầu _____ [Hệ thống trích xuất]

Thuộc dự án _____ [Hệ thống trích xuất]

Kính gửi: _____ [Hệ thống trích xuất]

I. DANH SÁCH NHÀ THẦU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số: _____ ngày _____ của _____ [ghi tên Chủ đầu tư],
danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật bao gồm:

[Hệ thống trích xuất danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật].

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDXTC**1. Mở E-HSDXTC**

[Hệ thống trích xuất biên bản mở E-HSDXTC]

2. Kết quả đánh giá về tài chính

Trên cơ sở đánh giá của từng E-HSDXTC (tổng hợp theo Mẫu số 05A, 05B hoặc 05C), kết quả đánh giá về E-HSDXTC được nêu dưới đây:

| Stt | Nội dung | Nhà thầu A | Nhà thầu B | ... |
|-----|---|---------------|---------------|-----|
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có)) | | | |
| 2 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa (đối với gói thầu xây lắp áp dụng hợp đồng trọn gói, nếu có) | | | |
| 3 | Giá trị giảm giá (nếu có) | | | |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) | | | |

| Stt | Nội dung | Nhà thầu A | Nhà thầu B | ... |
|-----|--|---------------|---------------|-----|
| | Phương pháp giá thấp nhất | | | |
| 5 | Δ_{UD} (đối với gói thầu hàng hóa, nếu có) | | | |
| 6 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có) | | | |
| 7 | Xếp hạng E-HSDT* | | | |
| | Phương pháp giá đánh giá | | | |
| 8 | Giá đánh giá | | | |
| 9 | Xếp hạng E-HSDT* | | | |
| | Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá | | | |
| 10 | Điểm giá | | | |
| 11 | Điểm kỹ thuật | | | |
| 12 | Điểm tổng hợp | | | |
| 13 | Điểm ưu đãi (đối với gói thầu hàng hóa, nếu có) | | | |
| 14 | Điểm tổng hợp sau ưu đãi | | | |
| 15 | Xếp hạng E-HSDT* | | | |

* Ghi chú:

- Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc đơn giá điều chỉnh, chi phí dự phòng không dùng để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

- Đối với gói thầu xây lắp, phi tư vấn: việc xếp hạng các E-HSDT cần xem xét đến các trường hợp được hưởng ưu đãi như sau:

+ E-HSDT của nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc thương binh, người khuyết tật chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên và có hợp đồng lao động tối thiểu 03 tháng; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ được xếp hạng cao hơn E-HSDT của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp E-HSDT của

các nhà thầu được đánh giá ngang nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 63/CP.

+ Trường hợp sau khi ưu đãi, nếu các E-HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 63/CP.

- Trường hợp chỉ có 1 nhà thầu được đánh giá E-HSDXTC, không cần tính ưu đãi, xác định giá đánh giá, điểm tổng hợp, xếp hạng nhà thầu.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá E-HSDXTC, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;

2. Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá E-HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý. [Trường hợp không có nội dung này thì ghi Không có]

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

| Stt | Nội dung đánh giá | Ý kiến bảo lưu | Lý do | Ký tên |
|------------|--------------------------|-----------------------|--------------|---------------|
| | | | | |
| | | | | |

[Trường hợp không có nội dung này thì ghi Không có]

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

MẪU SỐ 6D

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU QUA MẠNG CHO GÓI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT
ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

PHẦN I:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDXKT

Gói thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Dự án: [trích xuất từ Hệ thống]

Chủ đầu tư: [trích xuất từ Hệ thống]

Bên mời thầu: [trích xuất từ Hệ thống]

Mẫu số 01 (Webform trên Hệ thống)

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDXXKT

E-HSDXXKT của nhà thầu _____ (Hệ thống tự động trích xuất tên của từng Nhà thầu theo thứ tự trong biên bản mở thầu)

| Stt | Nội dung đánh giá trong E-HSMT | Kết quả đánh giá | | Nhận xét của chuyên gia |
|-------------------------------|---|------------------|-----------|-------------------------|
| | | Đạt | Không đạt | |
| 1 | Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh) ⁽¹⁾ | | | |
| 2 | Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật đấu thầu ⁽²⁾ | | | |
| 2.1 | Hạch toán tài chính độc lập ⁽²⁾ | | | |
| 2.2 | Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp ⁽²⁾ | | | |
| 2.3 | Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu ⁽²⁾ | | | |
| 2.4 | Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu ⁽²⁾ | | | |
| 3 | Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có) ⁽³⁾ | | | |
| KẾT LUẬN⁽⁴⁾ | | | | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản thỏa thuận liên danh thuộc E-HSDXXKT.

(2) Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở các cam kết của nhà thầu.

(3) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản scan tài liệu chứng minh.

(4) Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại cột "nhận xét của tổ chuyên gia". Trường hợp Hệ thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt".

Mẫu số 02 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)

ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT
(Sử dụng phương pháp chấm điểm)

E-HSDXKT của nhà thầu _____

| Stt | Nội dung đánh giá ⁽¹⁾ | Mức điểm quy định trong E-HSMT ⁽²⁾ | | | ĐÁNH GIÁ ⁽³⁾ | | Ghi chú |
|-------------------------------|----------------------------------|---|----------------|------|----------------------------|--|---------|
| | | Điểm tối đa | Điểm tối thiểu | Điểm | Nhận xét của tổ chuyên gia | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| TỔNG CỘNG | | | | | | | |
| KẾT LUẬN⁽⁴⁾ | | | | | | | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (2) Theo quy định trong E-HSMT.

(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm.

(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của E-HSMT trên cơ sở số điểm của nhà thầu. Trong đó:

- Đối với nội dung hợp đồng tương tự: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở các hợp đồng tương tự nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm.

- Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm

- Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trên webform và trong tài liệu đính kèm.

[TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ
ĐÁNH GIÁ E-HSDXKT]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDXKT

Gói thầu _____ [Hệ thống trích xuất]

Thuộc dự án _____ [Hệ thống trích xuất]

Kính gửi: _____ [Hệ thống trích xuất]

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Chủ đầu tư: [Hệ thống trích xuất]
- Bên mời thầu: [Hệ thống trích xuất]
- Tên dự án: [Hệ thống trích xuất]
- Tên gói thầu: [Hệ thống trích xuất];
- Số KHLCNT: [Hệ thống trích xuất] thời điểm đăng tải [Hệ thống trích xuất];
- Số E-TBMT: [Hệ thống trích xuất] thời điểm đăng tải [Hệ thống trích xuất];
- Các văn bản pháp lý liên quan (Phần này tổ chức/đơn vị đánh giá E-HSDXKT liệt kê).

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được [Ghi tên Bên mời thầu/đơn vị tư vấn] thành lập theo Quyết định số [Ghi số và ngày ban hành văn bản] để thực hiện đánh giá E-HSDXKT gói thầu [trích xuất từ Hệ thống] thuộc dự án [trích xuất từ Hệ thống].

Trường hợp Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn đánh giá E-HSDXKT thì bổ sung nội dung sau:

Căn cứ hợp đồng số [Ghi số hiệu hợp đồng] ngày [Ghi thời gian ký hợp đồng] giữa [Ghi tên Bên mời thầu] và _____ [Ghi tên đơn vị tư vấn] về việc thuê tổ chức/

đơn vị đánh giá E-HSDXKT gói thầu *[trích xuất từ Hệ thống]* thuộc dự án *[trích xuất từ Hệ thống]*.

b) Thành phần tổ chuyên gia:

*Số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia được nêu tại **Bảng số 1**.*

Bảng số 1

| Stt | Họ và tên | Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia | Phân công công việc của các thành viên |
|-----|-----------|-------------------------------------|--|
| | | | |
| | | | |

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Phần này nêu cách thức làm việc của tổ chuyên gia, phân công công việc, thời gian hoàn thành... Trường hợp có quy chế làm việc của tổ chuyên gia thì chỉ cần đính kèm quy chế này. Trong phần này nêu rõ cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác. Ý kiến bảo lưu của thành viên đó (nếu có) phải được nêu trong Mục IV báo cáo này.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDXKT

1. Biên bản mở thầu

[trích xuất biên bản mở thầu từ Hệ thống]

2. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDXKT

a) Kết quả đánh giá về tính hợp lệ E-HSDXKT được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây: *(trích xuất từ Mẫu số 01)*

Bảng số 2

| Stt | Tên nhà thầu | Kết luận (Đạt, không đạt) |
|-----|--------------|---------------------------|
| | | |
| | | |

b) Thuyết minh về các trường hợp E-HSĐXKT không hợp lệ: *(Hệ thống tự động trích xuất các nội dung ý kiến của tổ chuyên gia về việc nhà thầu được đánh giá không đạt, kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ E-HSĐXKT (nếu có)).*

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ E-HSĐXKT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có). *Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ E-HSĐXKT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐXKT của nhà thầu (nếu có).*

3. Đánh giá chi tiết E-HSĐXKT

a) Trên cơ sở đánh giá chi tiết về kỹ thuật của từng E-HSĐXKT *(lập theo Mẫu số 02)*, kết quả đánh giá nội dung này được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây:

Liệt kê tên nhà thầu, số điểm tương ứng (theo thứ tự từ cao xuống thấp).

Bảng số 3

| Stt | Tên nhà thầu | Kết quả đánh giá | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------|---------|
| | | | |
| | | | |
| | | | |

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong E-HSMT (kể cả khi đã làm rõ E-HSĐXKT (nếu có)). *Thuyết minh chi tiết về việc nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá. *Phần này nêu rõ các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá, bao gồm cả trường hợp trong tổ chuyên gia có một hoặc một số thành viên có đánh giá khác biệt so với đa số các thành viên còn lại và biện pháp xử lý đối với trường hợp đó (nếu có).*

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá E-HSĐXKT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

1. *Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;*

2. *Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;*

3. Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá E-HSDXKT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý. [Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]

IV. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

| Stt | Nội dung đánh giá | Ý kiến bảo lưu | Lý do | Ký tên |
|-----|-------------------|----------------|-------|--------|
| | | | | |
| | | | | |

[Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

PHẦN II:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDXTC

***Gói thầu:** [trích xuất từ Hệ thống]*

***Dự án:** [trích xuất từ Hệ thống]*

***Chủ đầu tư:** [trích xuất từ Hệ thống]*

***Bên mời thầu:** [trích xuất từ Hệ thống]*

Mẫu số 01 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)**XÁC ĐỊNH ĐIỂM TỔNG HỢP**

(Đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá)

E-HSDXTC của nhà thầu _____

A. Xác định điểm giá

| $G_{\text{nàh thầu}}$ | $G_{\text{thấp nhất}}$ | Điểm giá (điểm) |
|-----------------------|------------------------|-----------------|
| (1) | (2) | (3) |
| | | |

Ghi chú:

(1) Là giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (đối với loại hợp đồng theo thời gian, nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu

(2) Là giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (đối với loại hợp đồng theo thời gian, nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính.

(3) Điểm giá = (2) x (100 hoặc 1000)/(1)

B. Xác định điểm tổng hợp

| Đề xuất về kỹ thuật | | Đề xuất về tài chính | | Điểm tổng hợp |
|---------------------|-----|----------------------|-----|---------------|
| Điểm kỹ thuật | K% | Điểm giá | G% | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| | | | | |

Ghi chú:

(1) Điểm kỹ thuật của nhà thầu đang xét trên Hệ thống;

(2) Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong E-HSMT;

(3) Lấy ở bảng xác định điểm giá;

(4) Tỷ trọng điểm về giá quy định trong E-HSMT;

(5) = (1) x (2) + (3) x (4);

Mẫu số 02 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH**
(Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp
dựa trên kỹ thuật)

E-HSDXTC của nhà thầu _____

| Stt | Nội dung | Giá trị |
|------------|--|----------------|
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu) | |
| 2 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch (đối với loại hợp đồng theo thời gian, nếu có) | |
| 3 | Giá trị giảm giá (nếu có) | |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (đối với loại hợp đồng theo thời gian, nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có) | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 2B (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH
(Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá cố định)**

E-HSDXTC của nhà thầu _____

| Stt | Nội dung | Giá trị |
|------------|--|----------------|
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu) | |
| 2 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch (đối với loại hợp đồng theo thời gian, nếu có) | |
| 3 | Giá trị giảm giá (nếu có) | |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (đối với loại hợp đồng theo thời gian, nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có) | |
| 5 | Giá gói thầu nêu trong E-HSMT | |
| 6 | Kết luận ⁽¹⁾ | |
| 7 | Điểm kỹ thuật của nhà thầu | |

Người đánh giá*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) So sánh giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có) tại STT4 Mẫu này với giá gói thầu nêu trong E-HSMT: Trường hợp vượt giá gói thầu thì ghi rõ là “Không đáp ứng”, trường hợp không vượt giá gói thầu thì ghi rõ là ”Đáp ứng”.

Mẫu số 02C (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH
(Đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá)**

E-HSDXTC của nhà thầu _____

| Stt | Nội dung | Giá trị |
|------------|--|----------------|
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu) | |
| 2 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch (đối với loại hợp đồng theo thời gian, nếu có) | |
| 3 | Giá trị giảm giá (nếu có) | |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có) | |
| 5 | Điểm giá | |
| 6 | Điểm kỹ thuật | |
| 7 | Điểm tổng hợp | |

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

[TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ
ĐÁNH GIÁ E-HSDXTC]CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDXTC

Gói thầu _____ [Hệ thống trích xuất]

Thuộc dự án _____ [Hệ thống trích xuất]

Kính gửi: _____ [Hệ thống trích xuất]

I. DANH SÁCH NHÀ THẦU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số: _____ ngày _____ của _____ [ghi tên Chủ đầu tư],
danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật bao gồm:

*[Liệt kê danh sách nhà thầu trong quyết định phê duyệt]***II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDXTC****1. Mở E-HSDXTC***[Trích xuất biên bản mở E-HSDXTC từ Hệ thống]***2. Kết quả đánh giá về tài chính**

Trên cơ sở đánh giá từng E-HSDXTC (lập theo Mẫu số 02A, 02B hoặc 02C),
kết quả đánh giá về giá được tổng hợp dưới đây:

| Stt | Nội dung | Nhà thầu A | Nhà thầu B | ... |
|-----|--|---------------|---------------|-----|
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu) | | | |
| 2 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch (đối với loại hợp đồng theo thời gian, nếu có) | | | |
| 3 | Giá trị giảm giá (nếu có) | | | |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (đối với loại hợp đồng theo thời gian, nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có) | | | |

| Stt | Nội dung | Nhà thầu A | Nhà thầu B | ... |
|-----|--|---------------|---------------|-----|
| | Phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp dựa trên kỹ thuật | | | |
| 5 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (đối với loại hợp đồng theo thời gian, nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có) | | | |
| 6 | Xếp hạng E-HSDT* | | | |
| | Phương pháp giá cố định | | | |
| 7 | Giá gói thầu nêu trong E-HSMT | | | |
| 8 | Kết luận | | | |
| 9 | Điểm kỹ thuật của nhà thầu | | | |
| 10 | Xếp hạng E-HSDT* | | | |
| | Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá | | | |
| 11 | Điểm giá | | | |
| 12 | Điểm kỹ thuật | | | |
| 13 | Điểm tổng hợp | | | |
| 14 | Xếp hạng E-HSDT* | | | |
| | | | | |

Ghi chú:

- * Việc xếp hạng các E-HSDT cần xem xét đến các trường hợp được hưởng ưu đãi như sau:

(i) E-HSDT của nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc thương binh, người khuyết tật chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên và có hợp đồng lao động tối thiểu 03 tháng; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ được xếp hạng cao hơn E-HSDT của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp E-HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 63/CP.

(ii) Trường hợp sau khi ưu đãi, nếu các E-HSDT xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 63/CP.

Trường hợp chỉ có 1 nhà thầu được đánh giá E-HSDXTC, không cần xếp hạng nhà thầu.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở đánh giá E-HSDXTC, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:

1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;
2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;
3. Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá E-HSDXKT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý. [Trường hợp không có nội dung này thì ghi **KHÔNG CÓ**].

V. Ý KIẾN BẢO LƯU

Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:

| Stt | Nội dung đánh giá | Ý kiến bảo lưu | Lý do | Ký tên |
|------------|--------------------------|-----------------------|--------------|---------------|
| | | | | |
| | | | | |

[Trường hợp không có nội dung này thì ghi **KHÔNG CÓ**]

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].

MẪU SỐ 7A

**HỒ SƠ MỜI THẦU
MUA THUỐC QUA MẠNG
ÁP DỤNG PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN
MỘT TÚI HỒ SƠ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT
ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số thông báo mời thầu
(trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung thông báo mời
thầu trên Hệ thống):

Dự án (theo nội dung thông báo mời thầu trên
Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung thông báo
mời thầu trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội
dung thông báo mời thầu trên Hệ thống):

Tư vấn lập hồ sơ mời thầu
(nếu có)
[ghi tên, đóng dấu]

Bên mời thầu
[ghi tên, đóng dấu]

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chi dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. Phạm vi cung cấp

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Phần 4. PHỤ LỤC

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

- Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu và thực hiện theo Chương I Mẫu số 7A ban hành kèm theo Thông tư này. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

- Chương này được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

- Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu và thực hiện theo Chương II Mẫu số 7A ban hành kèm theo Thông tư này.

- Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Bên mời thầu nhập các nội dung thông tin vào BDL trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá hồ sơ dự thầu và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, trong đó:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của HSDT) thực hiện theo Mục 1 Chương III Mẫu số 7A ban hành kèm theo Thông tư này và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

- Các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu còn lại thực hiện theo các Mục 2, 3, 4, 5 Chương III Mẫu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

- Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, trong đó:

- Mẫu số 01 - Đơn dự thầu, Mẫu số 02 - Giấy ủy quyền, Mẫu số 03 - Thỏa thuận liên danh, Mẫu số 04 - Bảng giá dự thầu và Mẫu số 00 - Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu kỹ thuật của thuốc được thực hiện theo Chương IV Mẫu số 7A ban hành kèm theo Thông tư này và được số hóa dưới dạng webform. Bên mời thầu và nhà thầu cần nhập các thông tin vào webform tương ứng phù hợp với gói thầu để phát hành HSMT và nộp HSDT trên Hệ thống.

- Đối với các biểu mẫu còn lại được thực hiện theo Chương IV Mẫu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. Phạm vi cung cấp

- Chương này bao gồm phạm vi, tiến độ cung cấp thuốc, yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc thực hiện theo Mẫu số 00 Chương IV Mẫu số 7A ban hành kèm theo Thông tư này và được số hóa dưới dạng webform. Bên mời thầu và nhà thầu cần nhập thông tin vào các webform tương ứng phù hợp với gói thầu để phát hành HSMT và nộp HSDT trên Hệ thống.

- Các nội dung còn lại thực hiện theo Chương V Mẫu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế và được Bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

- Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

- Chương này thực hiện theo Chương VI Mẫu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế và được Bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể, trong đó có điều khoản cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này thực hiện theo Chương VII Mẫu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế và được Bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này thực hiện theo Chương VIII Mẫu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế và được Bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

Phần 4. PHỤ LỤC

Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Phần này thực hiện theo Phần 4 Mẫu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế và được Bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

| | |
|------|-------------------------------|
| CDNT | Chỉ dẫn nhà thầu |
| BDL | Bảng dữ liệu đấu thầu |
| HSMT | Hồ sơ mời thầu |
| HSDT | Hồ sơ dự thầu |
| ĐKC | Điều kiện chung của hợp đồng |
| ĐKCT | Điều kiện cụ thể của hợp đồng |
| VND | Đồng Việt Nam |

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

| | |
|---|---|
| <p>1. Phạm vi gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng</p> | <p>1.1. Bên mời thầu quy định tại BDL phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm thuốc được mô tả trong Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>Thuật ngữ “thuốc” được hiểu bao gồm thuốc hóa dược, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, vắc xin và sinh phẩm y tế trừ sinh phẩm chẩn đoán invitro dùng cho các cơ sở y tế mà nhà thầu phải cung cấp cho chủ đầu tư theo hợp đồng.</p> <p>1.2. Tên gói thầu; số lượng, số hiệu các phần (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) thuộc gói thầu quy định tại BDL. Trường hợp gói thầu mua thuốc có nhiều mặt hàng thuốc, mỗi mặt hàng thuốc thuộc gói thầu thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị hoặc mỗi mặt hàng thuốc thuộc một nhóm thuốc của gói thầu thuốc generic hoặc gói thầu thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (theo quy định tại Điều 7, 8, 9 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019) được coi là một phần độc lập của gói thầu.</p> <p>1.3. Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại BDL</p> |
| <p>2. Nguồn vốn</p> | <p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL.</p> |
| <p>3. Hành vi bị cấm</p> | <p>3.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>3.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu.</p> |

3.3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:

- a) Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu;
- b) Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị HSDT cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu;
- c) Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp thuốc, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận.

3.4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:

- a) Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào;
- b) Cá nhân trực tiếp đánh giá HSDT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;
- c) Nhà thầu cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong HSDT làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

3.5. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:

- a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;
- b) Các hành vi cản trở đối với nhà thầu, cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

3.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện các nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Là cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm thuốc do mình cung cấp dịch vụ tư vấn trước đó;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác trong thời hạn 12 tháng, kể từ khi thôi việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13;

h) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ thuốc trong HSMT¹;

i) Chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 nhằm mục đích chỉ định thầu hoặc hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

3.7. Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 73, khoản 12 Điều 74, điểm i khoản 1 Điều 75, khoản 7 Điều 76, khoản 7 Điều 78, điểm d khoản 2 Điều 92 của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13:

a) Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung HSDT, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

c) Nội dung yêu cầu làm rõ HSDT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

¹ Quy định này không áp dụng đối với gói thầu thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị.

| | |
|--|---|
| | <p>e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của pháp luật.</p> <p>3.8. Chuyển nhượng thầu, bao gồm các hành vi</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 50 tỷ đồng (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết;</p> <p>b) Chủ đầu tư chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc thuộc trách nhiệm thực hiện của nhà thầu, trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng.</p> <p>3.9. Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi nguồn vốn cho gói thầu chưa được xác định dẫn tới tình trạng nợ đọng vốn của nhà thầu.</p> |
| <p>4. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p> | <p>4.1. Có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được do cơ quan có thẩm quyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất thuốc hoặc bán buôn thuốc;</p> <p>4.2. Hạch toán tài chính độc lập.</p> <p>4.3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại BDL.</p> <p>4.5. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</p> <p>4.6. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.</p> |

| | |
|--|--|
| <p>5. Tính hợp lệ của thuốc</p> | <p>5.1. Thuốc dự thầu được coi là hợp lệ nếu được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam, cụ thể:</p> <p>a) Thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành còn hiệu lực tại Việt Nam. Trường hợp thuốc có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn thì thực hiện theo Mục 5.3 CDNT.</p> <p>b) Thuốc tham dự thầu không bị thu hồi giấy đăng ký lưu hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Dược.</p> <p>c) Thuốc tham dự thầu không có thông báo thu hồi theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc và Thông tư số 13/2018/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng dược liệu, thuốc cổ truyền (trường hợp thu hồi một hoặc một số lô thuốc xác định thì các lô thuốc không bị thu hồi vẫn được phép lưu hành hợp pháp).</p> <p>5.2. Thuốc dự thầu vào gói thầu, nhóm thuốc phù hợp theo quy định tại HSMT.</p> <p>5.3. Để chứng minh tính hợp lệ của thuốc dự thầu theo quy định tại Mục 5.1 CDNT, nhà thầu cần nêu rõ thông tin về số giấy đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu của thuốc, về tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc của cơ sở sản xuất thuốc (hoặc các cơ sở tham gia sản xuất thuốc) và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của thuốc theo quy định tại BDL.</p> <p>5.4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của thuốc dự thầu được phép làm rõ theo quy định tại Mục 23 CDNT.</p> |
| <p>6. Nội dung của HSMT</p> | <p>6.1. HSMT gồm có các Phần 1, 2, 3, 4 và cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 và 8 CDNT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:</p> |

| | |
|-------------------------------|--|
| | <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Phạm vi cung cấp. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>Phần 4. Phụ lục</p> <p>6.2. Thư mời thầu/thông báo mời thầu do Bên mời thầu phát hành hoặc cung cấp không phải là một phần của HSMT.</p> <p>6.3. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 và 8 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời thầu. HSMT do Bên mời thầu phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.4. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMT, HSMT, bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.</p> |
| <p>7. Sửa đổi HSMT</p> | <p>7.1. Trường hợp sửa đổi HSMT thì bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi phải được thực hiện trước thời</p> |

| | |
|-----------------------|--|
| | <p>điểm đóng thầu tối thiểu 03 ngày làm việc và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSMT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSMT.</p> |
| 8. Làm rõ HSMT | <p>8.1. Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT.</p> <p>8.2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>8.3. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Bên mời thầu và nhà thầu phải được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> |

| | |
|---------------------------------------|--|
| | <p>8.4. Trường hợp HSMT cần phải sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Bên mời thầu thực hiện việc sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ HSDT của nhà thầu.</p> |
| <p>9. Chi phí dự thầu</p> | <p>HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT theo quy định tại BDL. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p> |
| <p>10. Ngôn ngữ của HSDT</p> | <p>HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.</p> |
| <p>11. Thành phần của HSDT</p> | <p>HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>11.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 12 CDNT và Mẫu số 01 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu;</p> <p>11.2. Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu;</p> <p>11.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT;</p> <p>11.4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại Mục 4 CDNT;</p> |

| | |
|--|--|
| | <p>11.5. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 16 CDNT;</p> <p>11.6. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu chứng minh sự phù hợp của thuốc theo quy định tại Mục 15 CDNT;</p> <p>11.7. Đề xuất về giá và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 12 và Mục 13 CDNT;</p> <p>11.8. Các nội dung khác theo quy định tại BDL.</p> |
| <p>12. Đơn dự thầu và các bảng biểu</p> | <p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin về đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), bảng giá dự thầu, tiến độ cung cấp vào các Mẫu ở Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Nhà thầu kiểm tra thông tin được Hệ thống trích xuất để hoàn thành HSDT.</p> <p>Đối với các biểu mẫu còn lại, nhà thầu lập tương ứng theo các mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu và đính kèm trong HSDT.</p> |
| <p>13. Giá dự thầu và giảm giá</p> | <p>13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 05 Chương IV vào đơn dự thầu.</p> <p>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong bảng giá dự thầu. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể thực hiện theo một trong hai cách sau:</p> <p>- Cách thứ nhất: ghi giá trị tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> |

| | |
|---|--|
| | <p>- Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform trên Hệ thống.</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi giá trị tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu.</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho từng mặt hàng thuộc theo Mẫu số 05 Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần như quy định tại BDL thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự.</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> |
| <p>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p> | <p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p> |

| | |
|--|---|
| <p>15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của thuốc</p> | <p>15.1. Để chứng minh sự phù hợp của thuốc so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDT để chứng minh rằng thuốc mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp.</p> <p>15.2. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của thuốc phải bao gồm một phần mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật thuốc, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của thuốc so với các yêu cầu của HSMT.</p> <p>15.3. Các thông tin tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến mặt hàng thuốc do Bên mời thầu quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu.</p> |
| <p>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</p> | <p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.</p> <p>16.2. Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu theo quy định tại BDL.</p> |
| <p>17. Thời hạn có hiệu lực của HSDT</p> | <p>17.1. HSDT phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà</p> |

| | |
|-----------------------------------|--|
| | <p>thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p> |
| <p>18. Bảo đảm dự thầu</p> | <p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu dưới 10 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 CDNT. Nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng và đính kèm khi nộp HSDT. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự</p> |

thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian hiệu lực của bảo đảm dự thầu theo quy định tại **BDL**.

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSMT, có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, 04B Chương IV).

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa

sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu cho bên mời thầu:

a) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Nhà thầu có văn bản rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;

- Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 32.1 CDNT;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37 CDNT;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận khung nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:

a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Bên mời thầu được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;

b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.

Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì việc không hoàn trả bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.

18.7. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.

18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 CDNT dưới 10 triệu đồng, nhà thầu không phải xuất trình thư bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 CDNT. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cam kết nếu được mời vào thương thảo hợp đồng hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì phải nộp một khoản tiền bằng giá trị quy định tại Mục 18.2 CDNT. Trường hợp nhà thầu từ chối nộp tiền theo yêu cầu của bên mời thầu, nhà thầu bị xử lý

| | |
|--|--|
| | <p>theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 6 tháng, kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì nhà thầu bị tịch thu khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p> |
| <p>19. Thời điểm đóng thầu</p> | <p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại TBMT.</p> <p>19.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p> |
| <p>20. Nộp, rút và sửa đổi HSDT</p> | <p>20.1. Nộp HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSDT đối với một TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại HSDT: Trường hợp cần sửa đổi HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDT trước khi bên mời thầu thực hiện sửa đổi HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDT mới cho phù hợp với HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>20.3. Rút HSDT: nhà thầu được rút HSDT trước thời điểm đóng thầu. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình</p> |

| | |
|--|--|
| | <p>trạng rút HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p> <p>20.5. Trường hợp sau thời điểm đóng thầu, nhà thầu rút không tham dự đối với phần nào thì không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu của phần đó.</p> |
|--|--|

(Xem tiếp Công báo số 477 + 478)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng